UBND TỈNH KHÁNH HÒA **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 710 /QĐ-SYT	*Khánh Hòa, ngày 17 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 1: Gói thầu thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị trong Ngành Y tế năm 2023-2025

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật đấu thầu 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 1451/QĐ-CTUBND ngày 02/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao Sở Y tế làm nhiệm vụ mua thuốc tập trung cấp địa phương thuộc tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị trong Ngành Y tế năm 2023-2025;

Căn cứ Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế và Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-SYT ngày 25/7/2023 của Sở Y tế về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu qua mạng gói số 1: Gói thầu thuốc Generic, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị trong Ngành Y tế năm 2023-2025;

Căn cứ Quyết định số 636/QĐ-SYT ngày 25/9/2023 của Sở Y tế về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói số 1: Gói thầu thuốc Generic, thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị trong Ngành Y tế năm 2023-2025;

Căn cứ Quyết định số 702/QĐ-SYT ngày 13/10/2023 của Sở Y tế về việc điều chỉnh Quyết định số 636/QĐ-SYT ngày 25/9/2023 của Sở Y tế về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói số 1: Gói thầu thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị trong Ngành Y tế năm 2023-2025;

Xét Tờ trình số 08/TCGĐT ngày 09/10/2023 của Tổ Chuyên gia đấu thầu về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 1: Gói thầu thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị trong Ngành Y tế năm 2023-2025 (đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ); Báo cáo thẩm định số 12/BC-TTĐ ngày 13/10/2023 của Tổ Thẩm định báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 1: Gói thầu thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc cho các đơn vị trong Ngành Y tế năm 2023-2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 1: Gói thầu thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị trong Ngành Y tế năm 2023-2025 với các nội dung như sau:

1. Nhà thầu trúng thầu và giá trị trúng thầu tại phụ lục kèm theo Quyết định này. *(Chi tiết từng nhà thầu, tên mặt hàng thuốc, số lượng, đơn giá của 206 nhà thầu xem phụ biểu đính kèm)*

2. Thời gian thực hiện hợp đồng: chia làm 02 đợt, mỗi đợt tối đa không quá 360 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

3. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng Tổ chuyên gia đấu thầu, Tổ trưởng Tổ thẩm định, Tổ trưởng Tổ lập Hồ sơ mời thầu, Trưởng các phòng thuộc Sở và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH KHÁNH HÒA

Bùi Xuân Minh

Phục lục

DANH SÁCH CÁC NHÀ THẦU TRÚNG THẦU GÓI SỐ 1: GÓI THẦU THUỐC GENERIC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU CUNG ỨNG THUỐC CHO CÁC ĐƠN VỊ TRONG NGÀNH Y TẾ NĂM 2023-2025

(Đính kèm Quyết định số: 710 /QĐ-SYT ngày 17 /10/2023 của Sở Y tế)

Stt	Tên nhà thầu	Số mặt hàng thuốc trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Traphaco	8	1.836.911.600	Xem chi tiết tại Phụ biểu kèm theo
2	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco	3	671.725.000	
3	Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	24	21.036.335.500	
4	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	1	756.000.000	
5	Công ty TNHH Dược phẩm Hiệp Thuận Thành	4	6.210.172.000	
6	Công ty cổ phần Việt Nga	4	2.817.040.000	
7	Công ty TNHH Dược phẩm Việt - Pháp	2	4.034.700.000	
8	Công ty cổ phần Thương mại và Phát triển Hà Lan	5	6.022.190.000	
9	Công ty TNHH TMDP Phương Linh	1	39.600.000	
10	Công ty cổ phần Tập đoàn Merap	12	7.550.620.000	
11	Công ty TNHH Dược Thống Nhất	1	151.900.000	
12	Công ty TNHH Dược phẩm U.N.I Việt Nam	5	867.836.080	
13	Công ty cổ phần Thương mại và Dược phẩm Tân Thành	1	462.800.000	
14	Công ty cổ phần Dược phẩm Hoàng Mai	1	149.600.000	
15	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An	28	9.152.698.800	
16	Công ty cổ phần Y tế AMVGROUP	4	2.381.455.000	
17	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	4	1.485.000.000	

Stt	Tên nhà thầu	Số mặt hàng thuốc trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Ghi chú
18	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	37	7.252.779.250	Xem chi tiết tại Phụ biểu kèm theo
19	Công ty cổ phần Dược phẩm An Nguyên	1	951.692.000	
20	Công ty cổ phần Dược phẩm & Thiết bị y tế Phúc Lộc	6	5.529.632.000	
21	Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Việt Á	1	5.684.080.000	
22	Công ty cổ phần AFP Gia Vũ	3	1.267.058.880	
23	Công ty TNHH Dược phẩm HQ	6	226.790.000	
24	Công ty TNHH Công nghệ Dược phẩm Quang Anh	1	8.318.640.000	
25	Công ty cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu APEC	1	533.973.300	
26	Công ty TNHH Intercontinental Pharma Việt Nam	2	5.689.550.000	
27	Công ty cổ phần Dược phẩm Quốc tế - UK Pharma	8	2.563.581.000	
28	Công ty cổ phần Dược phẩm TND Việt Nam	3	18.036.849.000	
29	Công ty cổ phần Dược và Thiết bị Y tế Genki	2	1.178.800.000	
30	Công ty cổ phần Thương mại Famed	8	2.317.789.000	
31	Công ty cổ phần Thương mại và Dược phẩm Khánh Minh	1	210.319.200	
32	Công ty cổ phần Thương mại Dược phẩm VIETSUN	1	295.466.000	
33	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Đại Sông Dương	3	308.150.000	
34	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương Vidipha	4	230.959.210	
35	Công ty cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	4	311.558.000	
36	Công ty cổ phần DP Trung Ương Codupha	43	33.833.679.265	
37	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn	38	29.887.164.230	

Stt	Tên nhà thầu	Số mặt hàng thuốc trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Ghi chú
38	Công ty TNHH Dược phẩm Tín Đức	1	259.350.000	Xem chi tiết tại Phụ biểu kèm theo
39	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Minh Hiền	3	2.942.780.000	
40	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	51	25.925.928.145	
41	Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành	8	2.117.950.000	
42	Công ty TNHH TM Dược Thuận Gia	3	1.469.487.000	
43	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Úc Châu	3	504.861.000	
44	Công ty TNHH Dược phẩm Minh Trí	2	141.409.800	
45	Công ty TNHH Dược phẩm Bình Châu	1	616.000.000	
46	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	23	35.676.117.760	
47	Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Tp. Hồ Chí Minh	7	4.371.570.800	
48	Công ty cổ phần Dược phẩm Việt Hà	17	8.051.290.160	
49	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2	4	82.418.800	
50	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Anh	2	17.287.800.000	
51	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	7	2.171.768.900	
52	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	6	4.000.339.410	
53	Công ty cổ phần Dược liệu Trung Ương 2	138	127.187.245.169	
54	Công ty TNHH Dược phẩm Tây Sơn	5	676.697.000	
55	Công ty cổ phần Dược phẩm Hiệp Bách Niên	12	5.414.060.000	
56	Công ty TNHH Bình Việt Đức	7	15.664.067.600	
57	Công ty TNHH Hồng Phúc Bảo	1	1.154.370.000	
58	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Tây Âu	5	6.897.750.000	

Stt	Tên nhà thầu	Số mặt hàng thuốc trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Ghi chú
59	Công ty TNHH Dược phẩm Phạm Anh	4	1.583.450.000	Xem chi tiết tại Phụ biểu kèm theo
60	Công ty TNHH Dược phẩm Trường Khang	2	9.281.817.450	
61	Công ty TNHH Dược phẩm Võ Huỳnh	1	7.806.000	
62	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mười Tháng Ba	9	6.809.973.000	
63	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Duy Anh	5	19.834.485.000	
64	Công ty cổ phần Dược phẩm Bách Niên	4	1.987.760.000	
65	Công ty TNHH Dược phẩm và Hóa chất Nam Linh	1	3.717.000.000	
66	Công ty TNHH Đại Bắc - Miền Nam	6	1.121.555.400	
67	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Nguyễn Dương	4	1.890.034.000	
68	Công ty TNHH Dược phẩm An Long	9	4.321.765.200	
69	Công ty cổ phần Dược phẩm SAVI	7	2.219.061.100	
70	Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh	11	6.610.017.000	
71	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Sen	2	453.222.000	
72	Công ty TNHH TM Dược phẩm Phương Châu	1	2.644.950.000	
73	Công ty cổ phần Dược phẩm Phúc Thiện	1	738.650.000	
74	Công ty cổ phần Dược phẩm Nhật Tiến	3	448.895.800	
75	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Đan Thanh	5	637.869.380	
76	Công ty TNHH Dược phẩm Đức Anh	7	1.520.767.340	
77	Công ty cổ phần Dược phẩm Vũ Duy	2	815.400.000	
78	Công ty cổ phần Dược Nam Đồng	5	1.617.744.000	
79	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Thiên Kim	2	535.710.000	

Stt	Tên nhà thầu	Số mặt hàng thuốc trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Ghi chú
80	Công ty cổ phần Dược phẩm An Thiên	20	6.538.389.960	Xem chi tiết tại Phụ biểu kèm theo
81	Công ty cổ phần Dược Đại Nam	2	1.387.656.800	
82	Công ty TNHH TM Dược phẩm Hoàng Trân	1	526.350.000	
83	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ du lịch Mây Vàng	2	55.991.250	
84	Công ty cổ phần Trang thiết bị Y tế - Dược phẩm Hiệp Nhất	1	894.371.400	
85	Công ty cổ phần Dược phẩm Me Ta	5	612.648.200	
86	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Vinh	3	628.492.000	
87	Công ty TNHH Dược phẩm Song Việt	1	712.400.000	
88	Công ty TNHH Dược phẩm Niềm Tin	5	1.487.504.000	
89	Công ty cổ phần Dược Newsun	3	750.735.000	
90	Công ty TNHH Dược phẩm Nguyên Phát	3	2.397.590.000	
91	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm An Pha	1	441.294.000	
92	Công ty TNHH Dược phẩm Đức Việt	4	7.566.162.800	
93	Công ty CP Dược phẩm Phúc Long	5	409.319.352	
94	Công ty cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo Sài Gòn	2	4.577.730.000	
95	Công ty cổ phần GONSA	52	63.739.016.132	
96	Công ty TNHH Dược phẩm Kiến Phát	1	178.200.000	
97	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Nam Khang	6	2.866.806.600	
98	Công ty cổ phần Dược phẩm Năm Phát	3	478.039.800	
99	Công ty cổ phần Dược phẩm Âu Việt	2	68.868.000	

Stt	Tên nhà thầu	Số mặt hàng thuốc trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Ghi chú
100	Công ty cổ phần Thương mại và Dược phẩm Việt Nam	1	359.260.000	Xem chi tiết tại Phụ biểu kèm theo
101	Công ty TNHH Phân phối Liên kết Quốc tế	3	2.303.512.450	
102	Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế và Dược phẩm Nguyên Phát	4	1.500.428.000	
103	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Khang Huy	8	2.366.930.000	
104	Công ty TNHH Thương mại Vật tư y tế Dược Việt	5	1.495.616.500	
105	Công ty TNHH Shine Pharma	1	60.480.000	
106	Công ty TNHH Dược phẩm Tự Đức	3	6.239.000.000	
107	Công ty cổ phần O2Pharm	3	976.500.000	
108	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Đại Trường Sơn	3	1.803.705.000	
109	Công ty TNHH Dược phẩm Nguyên Anh Khoa	16	3.668.003.120	
110	Công ty cổ phần Dược phẩm Đại Phát	4	3.822.868.000	
111	Công ty cổ phần Dược phẩm Song Vân	1	67.900.000	
112	Công ty TNHH Dược phẩm TH	15	26.898.840.000	
113	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Uss Pharma	1	32.256.000	
114	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	11	14.077.410.240	
115	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Seaphaco	10	3.408.263.500	
116	Công ty TNHH San Ta Việt Nam	6	11.025.253.100	
117	Công ty cổ phần Thương mại Dược phẩm PVN	8	2.189.965.000	
118	Công ty TNHH Lynh Farma	2	507.100.000	
119	Công ty TNHH Đầu tư nhập khẩu Dược Đông Nam Á	8	4.602.718.500	
120	Công ty TNHH M & N Hợp Nhất	5	2.553.290.000	

Stt	Tên nhà thầu	Số mặt hàng thuốc trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Ghi chú
121	Công ty TNHH NOVA PHARMA	3	309.800.000	
122	Công ty cổ phần Dược phẩm Medbolide	4	654.600.000	
123	Công ty TNHH Dược phẩm TPVN	5	2.977.111.440	
124	Công ty cổ phần Rexton	3	1.186.300.000	
125	Công ty TNHH Nacopharm Miền Nam	8	8.995.408.600	
126	Công ty TNHH Dược phẩm Tường Thành	14	4.582.437.300	
127	Công ty TNHH Viban	2	155.606.500	
128	Công ty TNHH Dược phẩm Minh Phát	1	1.000.000.000	
129	Công ty TNHH SK Quốc Tế	4	594.320.000	
130	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Quốc tế Hưng Thịnh	8	6.082.905.000	Xem chi tiết tại Phụ biểu kèm theo
131	Công ty TNHH Dược phẩm AT & C	5	1.704.812.550	
132	Công ty TNHH Dược phẩm Kovina	2	4.614.435.000	
133	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Sagora	7	2.223.483.200	
134	Công ty TNHH Phát triển Thương mại Tâm Việt Phát	2	601.930.000	
135	Công ty TNHH Dược phẩm Sun Rise	3	294.028.000	
136	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Đức Trí	1	8.395.000	
137	Công ty TNHH Quốc tế Ngọc Linh	2	23.520.000	
138	Công ty cổ phần Dược phẩm Vạn Khang	2	148.377.000	
139	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Bình An	2	219.900.000	
140	Công ty TNHH TM Dược phẩm Cao Minh	3	3.571.710.000	
141	Công ty TNHH Dược phẩm HELIOS	2	1.821.848.440	

Stt	Tên nhà thầu	Số mặt hàng thuốc trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Ghi chú
142	Công ty cổ phần Dược phẩm An Phú Minh	1	11.600.000	Xem chi tiết tại Phụ biểu kèm theo
143	Công ty TNHH RM HEALTHCARE	1	345.000.000	
144	Công ty cổ phần Eutical	7	3.161.118.500	
145	Công ty cổ phần Dược phẩm Tre Xanh	8	18.552.818.900	
146	Công ty TNHH Dược phẩm Lê Gia	5	16.619.040.000	
147	Công ty TNHH Dược phẩm MKT	7	4.325.862.400	
148	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dược Nam Hùng	2	775.897.500	
149	Công ty TNHH Dược phẩm Cát Lâm	3	760.481.400	
150	Công ty cổ phần Hóa dược An Môn	2	1.354.668.000	
151	Công ty TNHH Dược phẩm Salud	13	7.945.195.000	
152	Công ty cổ phần TAVO Pharma	1	300.000.000	
153	Công ty TNHH Dược phẩm IVY	6	3.340.400.400	
154	Công ty TNHH Star Lab	2	2.184.000.000	
155	Công ty TNHH Dược phẩm GIGAMED	102	86.374.134.689	
156	Công ty TNHH Medist Pharma	3	803.840.000	
157	Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng	5	1.853.200.000	
158	Công ty cổ phần Dược Trung ương 3	11	4.950.714.720	
159	Công ty cổ phần Dược Danapha	29	15.547.779.650	
160	Công ty cổ phần Dược phẩm Tường Khuê	7	773.640.500	
161	Công ty TNHH Dược phẩm Anh Nguyên Đức	22	29.637.150.500	
162	Công ty TNHH MTV Dược Trí Tín Hải	3	750.750.000	

Stt	Tên nhà thầu	Số mặt hàng thuốc trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Ghi chú
163	Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây	1	349.734.000	
164	Công ty cổ phần Thương mại Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Thuận Phát	4	816.150.000	
165	Công ty cổ phần Dược phẩm Nam Hà	5	1.464.584.000	
166	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Dân	37	9.021.780.512	
167	Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco	1	1.625.439.100	
168	Công ty cổ phần Dược phẩm Bến Tre	20	15.366.903.353	
169	Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm	15	38.584.358.400	
170	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	5	1.947.574.000	
171	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	11	20.200.536.076	
172	Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm	45	9.970.557.590	Xem chi tiết tại Phụ biểu kèm theo
173	Công ty TNHH Dược phẩm Long Xuyên	1	247.504.000	
174	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	27	15.993.109.565	
175	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Như Tâm	1	1.389.015.600	
176	Công ty TNHH Dược phẩm Tấn Cường	1	22.680.000	
177	Công ty cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	7	2.471.930.980	
178	Công ty TNHH Dược phẩm Vinh Đức	6	10.487.185.000	
179	Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	44	13.272.787.587	
180	Công ty cổ phần Thương mại và Dược phẩm Ngọc Thiện	5	5.279.002.680	
181	Công ty cổ phần Dược Vinapham	2	1.148.491.200	
182	Công ty CP Dược VTYT Quảng Trị	12	24.917.505.740	
183	Công ty cổ phần Dược phẩm Ampharco U.S.A	9	1.834.186.400	

Stt	Tên nhà thầu	Số mặt hàng thuốc trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Ghi chú
184	Công ty cổ phần Thương mại Dược Hoàng Long	1	942.400.000	Xem chi tiết tại Phụ biểu kèm theo
185	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	1	54.400.000	
186	Công ty cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	3	5.138.926.000	
187	Công ty TNHH Dược phẩm Hùng Thịnh	2	9.667.306.530	
188	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	44	53.168.233.765	
189	Công ty TNHH Dược phẩm Liên Sơn	7	1.891.397.000	
190	Công ty TNHH AQUA	1	3.307.500.000	
191	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	76	19.580.354.666	
192	Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Kim	10	5.260.531.000	
193	Công ty cổ phần GOLD STAR PHARM	3	997.650.000	
194	Công ty cổ phần Pymepharco	4	3.252.507.000	
195	Công ty cổ phần Dược và Vật tư y tế Ninh Thuận	1	247.000.000	
196	Công ty TNHH Dược phẩm Gia Nguyên	1	55.760.000	
197	Công ty TNHH Dược phẩm Châu Á - Thái Bình Dương	10	5.907.121.100	
198	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	8	7.994.704.200	
199	Công ty cổ phần Dược phẩm Hưng Phúc	11	5.723.968.590	
200	Công ty cổ phần Dược phẩm Vinpharco	2	88.838.600	
201	Công ty TNHH Dược phẩm Khương Duy	24	31.850.445.200	
202	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	40	29.589.355.180	
203	Công ty cổ phần Dược Medipharco	14	1.946.599.200	

Stt	Tên nhà thầu	Số mặt hàng thuốc trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Ghi chú
204	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dược phẩm Việt Tín	5	4.624.747.000	Xem chi tiết tại Phụ biểu kèm theo
205	Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Vũ	9	7.805.010.000	
206	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Tín	1	1.068.159.000	
	Tổng cộng	**1.778**	**1.326.655.303.236**	

Phụ biểu

DANH SÁCH NHÀ THẦU ĐƯỢC XEM XÉT TRÚNG THẦU

GÓI THẦU SỐ 1

(Kèm theo Quyết định số 710/QĐ-SYT ngày 17/10/2023 của Sở Y tế)

Nhà thầu : 0823095-Công ty Cổ phần Dược phẩm Hiệp Bách Niên

Địa chỉ : 25 Đường số 14, Khu phố 4, Phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh Điện thoại : 028 22268737 — 38 — 39 Fax:

STT	Mã số	Nhóm	Tên hoạt chất	ĐVT	Dạng bào chế	Hàm lượng	Tên thương mại	Hãng SX	Nước SX	Số đăng ký	Qui cách đóng gói	Hạn dùng	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền
1	GE.0009	Nhóm 2	Aceclofenac	viên	Viên nang mềm	100mg	Speenac S	Korea United Pharm. Inc.	Hàn Quốc	VN-19212-15	Hộp 2 túi nhôm x 5 vỉ x 10 viên	36 tháng	3 000	4 720	14 160 000
2	GE.0600	Nhóm 1	Clozapin	viên	Viên nén bao phim	25mg	Clomedin Tablets	Remedica Ltd.	Cộng hòa Síp	VN-22889-21	Hộp 5 vỉ x 10 viên	36 tháng	300	5 500	1 650 000
3	GE.0659	Nhóm 1	Dexketoprofen	chai/lọ/ống/túi	Dung dịch tiêm/dung dịch đậm đặc để pha truyền tĩnh mạch	50mg/2ml	Disomic	Rompharm Company S.R.L	Rumani	VN-21526-18	Hộp 5 ống x 2ml	48 tháng	1 000	19 800	19 800 000
4	GE.0740	Nhóm 4	Đồng sulfat	tube	Dung dịch dùng ngoài	0,1g/50g	Gynocare	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	VS-4924-16	Hộp 1 tuýp 50g	36 tháng	100	30 000	3 000 000
5	GE.1087	Nhóm 4	Irbesartan	viên	Viên nén phân tán trong nước	150mg	Am-Isartan	Công ty liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	VD-34409-20	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	35 800	3 500	125 300 000
6	GE.1181	Nhóm 4	Levocetirizin	chai/lọ	Dung dịch uống	2,5mg/5ml	Aticizal	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	VD-27797-17	Hộp 1 chai x 30ml	24 tháng	54 500	32 000	1 744 000 000
7	GE.1219	Nhóm 4	Linezolid	chai/lọ/ống/túi	Dung dịch thuốc tiêm truyền	600mg/300ml	Inlezone 600	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Việt Nam	VD-32784-19	Hộp 1 túi 300 ml	24 tháng	3 700	195 000	721 500 000
8	GE.1405	Nhóm 1	Moxifloxacin	lọ	Dung dịch nhỏ mắt	5mg/ml; 5ml	Moxifloxan 5mg/ml eye drops, solution	Balkanpharma - Razgrad AD	Bulgaria	VN-22375-19	Hộp 1 lọ x 5ml	36 tháng	15 940	78 750	1 255 275 000
9	GE.1407	Nhóm 1	Moxifloxacin	lọ	Dung dịch nhỏ mắt	5mg/ml; 5ml	Moxifloxan 5mg/ml eye drops, solution	Balkanpharma - Razgrad AD	Bulgaria	VN-22375-19	Hộp 1 lọ x 5ml	36 tháng	6 420	78 750	505 575 000
10	GE.1848	Nhóm 4	Salbutamol sulfat	chai/lọ	Dung dịch uống	2mg/5ml, 60ml	Atisalbu	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	VD-25647-16	Hộp 1 chai x 60ml	24 tháng	3 000	19 635	58 905 000
11	GE.1888	Nhóm 4	Sắt protein succinylat	chai/lọ/ống/gói	Dung dịch uống	800mg/15ml, 60ml	Atiferoie	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	VD-34133-20	Hộp 1 chai x 60ml	36 tháng	11 200	78 000	873 600 000
12	GE.2088	Nhóm 2	Ursodeoxycholic acid	viên	Viên nén	100mg	Uruso	Daewoong Pharmaceutical	Hàn Quốc	VN-14659-12	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	15 500	5 890	91 295 000

Tổng số: 12 Danh Mục

Tổng giá trị: 5 414 060 000 (năm tỷ bốn trăm mười bốn triệu sáu mươi nghìn đồng)

Phụ biểu

DANH MỤC PHÂN BỔ - GÓI 1

(Kèm theo Quyết định số 710/QĐ-SYT ngày 17/10/2023 của Sở Y tế)

Nhà thầu : Công ty Cổ phần Dược phẩm Hiệp Bách Niên

Địa chỉ : 25 Đường số 14, Khu phố 4, Phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh Điện thoại :028.22268737 — 38 Fax:

STT	Mã số	Tên gốc	Số Lượng	BVTP	BV DL	BV LP	TTCC 115	BV YHCT	BV TT	BV NĐ	BV UB	BV YR NT	BV CR	BV NH	TTYT NT	TTYT DK	TTYT CL	TTYT CR	TTYT KV	TTYT KS	TTYT NH	TTYT VN	TTCS SKSS	TTH HTM	TT CDC	BV 87	BV C.TR1	BV V.M	BV 22/12	PK 4HQ	PK101 HQ	PKH VHQ	PKC AT	PKP SINH	PKME DIC	PK TĐ	PK U.C
1	GE.0009	Aceclofenac	3000																			3000														
2	GE.0600	Clozapin	300																							300											
3	GE.0659	Dexketoprofen	1000																							1000											
4	GE.0740	Đồng sulfat	100																			100															
5	GE.1087	Irbesartan	35800	10000																						25000		800									
6	GE.1181	Levocetirizin	54500												2500																			52000			
7	GE.1219	Linezolid	3700	1000						2000	500															200											
8	GE.1405	Moxifloxacin	15924	6000							400	2000		1400		400						300				250		190						5000			
9	GE.1407	Moxifloxacin	6420	6000															200									220									
10	GE.1858	Salbutamol sulfat	3000									2000		1000																							
11	GE.1888	Sắt protein succinylat	11200									10000		1000								200															
12	GE.2088	Ursodeoxycholic acid	15500									6000		6000								500				3000											

Tổng số: 12 Danh mục